

BIỂU SỐ 2
DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 SANG NĂM 2024
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ GIAO THÊM

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)	Số vốn còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2024	Lý do kéo dài
	Tổng số	728,265	453,925	274,339	263,705	
I	Thành phố Đồng Xoài	56,081	10,056	46,024	36,020	
1	Nạo vét cống, hồ gas một số tuyến đường khu trung tâm thành phố Đồng Xoài	648	517	131	130	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
2	Lắp đặt biển báo, đèn tín hiệu giao thông, gờ giảm tốc, biển chỉ dẫn trên địa bàn thành phố Đồng Xoài	3,400	140	3,260	3,200	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
3	Lắp đặt, cải tạo hệ thống chiếu sáng một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Đồng Xoài	2,800	2,326	474	300	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
4	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, cống và lan can 2 bên mương thoát nước đường Lê Quý Đôn (giai đoạn 2), phường Tân Xuân	3,800		3,800	3,800	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
5	UBND phường Tân Bình					
-	Vận động GPMB đường QH số 30 (đường Tôn Đức Thắng)	2,800	323	2,477	2,476	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
6	UBND phường Tân Xuân					
-	Vận động GPMB đường quy hoạch số 21 (đường vành đai 32m)	994		994	994	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
7	UBND phường Tân Thiện					
-	Vận động GPMB đường QH số 21 (đường vành đai 32m)	900	302	598	598	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)	Số vốn còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2024	Lý do kéo dài
-	Vận động GPMB đường Trần Quang Khải	1,900	889	1,011	1,011	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
8	UBND phường Tân Đồng					
-	Vận động GPMB đường QH số 24	750	4	746	746	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
-	Vận động GPMB đường QH số 25	850	4	846	846	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
-	Vận động GPMB đường QH số 8	650	4	646	646	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
-	Vận động GPMB đường Lý Thường Kiệt nối dài	50	4	46	46	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
-	Vận động GPMB đường Nguyễn Huệ nối dài	500	7	493	493	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
9	UBND phường Tiến Thành					
-	Vận động GPMB đường QH số 34(đường Hải Thượng Lãng Ông)	2,600	1,944	656	656	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
-	Vận động GPMB đường QH 21 (đường vành đai 32)	500	221	279	279	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
-	Vận động GPMB đường QH số 35	800		800	800	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
-	Vận động GPMB đường Phạm Ngọc Thạch	500		500	500	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
-	Vận động GPMB đường vòng quanh hồ Suối Cam 2	200		200	200	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)	Số vốn còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2024	Lý do kéo dài
-	Vận động GPMB đường QH số 39	200		200	200	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
-	Vận động GPMB đường Phan Bội Châu nối dài	189		189	189	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
10	UBND xã Tiến Hưng					
-	Nâng cấp, mở rộng hẻm 445	3,050		3,050	721	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
-	Nâng cấp, mở rộng hẻm 393	3,000		3,000	136	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
-	Xây dựng dãy phòng học, phòng học bộ môn trường THCS Tiến Hưng	5,000		5,000	425	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
11	UBND xã Tân Thành					
-	Vận động GPMB đường QH số 39	3,200	1,174	2,026	2,026	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
-	Vận động GPMB đường vòng quanh hồ Suối Cam 2	1,300	479	821	821	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
-	Vận động GPMB đường QH số 21 (đường vành đai 32m).	2,200	927	1,273	1,273	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
-	Vận động GPMB đường QH số 41	500	48	452	452	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
-	Vận động GPMB dự án: Đường nối đường vòng quanh Hồ Phước Hòa với Khu công nghiệp Đồng Xoài I	1,000	88	912	912	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
-	Vận Động GPMB Đường ĐH Tân Phú- QL14	500	48	452	452	Đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)	Số vốn còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2024	Lý do kéo dài
-	XD nhà đa năng trường TH Tân Thành	4,000	247	3,753	3,753	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
-	XD nhà đa năng trường THCS Tân Thành	7,300	359	6,941	6,941	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
II	Thị xã Phước Long	188,974	100,025	88,949	88,949	
1	Xây dựng nhà phục vụ tang lễ, hỏa táng và lưu tro cốt tại Nghĩa trang nhân dân thị xã	4,183	3,540	643	643	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
2	Quy hoạch chi tiết 1/500 cụm công nghiệp Long Giang	1,026	842	184	184	Đảm bảo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
3	Nâng cấp mở rộng mặt đường, xây dựng HTTN đường Hoàng Văn Thụ	1,000	163	837	837	Đảm bảo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
4	Nâng cấp mở rộng mặt đường, xây dựng HTTN đường Hoàng Văn Thái	6,540	4,193	2,347	2,347	Đảm bảo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
5	Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (song song đường ĐT 759)	66,409	6,600	59,809	59,809	Đảm bảo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
6	Nâng cấp mặt đường đường Tôn Đức Thắng (từ đường ĐT 741 đến trường TH Long Giang)	1,500	1,297	203	203	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
7	Xây dựng 09 phòng học trường TH Sơn Giang	400	171	229	229	Đảm bảo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
8	Xây dựng 04 phòng chức năng, khu hiệu bộ trường TH Phước Tín B	741	701	40	40	Đảm bảo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
9	Xây dựng 03 phòng học, 04 phòng chức năng và các phòng hiệu bộ trường TH Phan Bội Châu	1,850	1,666	184	184	Đảm bảo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
10	Quy hoạch phân khu phường Long Phước	2,400	1,588	812	812	Đảm bảo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)	Số vốn còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2024	Lý do kéo dài
11	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao khu phố Sơn Long, phường Sơn Giang	1,000	925	75	75	Đảm bảo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
12	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hồ Đăk Krat, phường Long Phước	655	644	11	11	Đảm bảo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
13	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Long Thủy đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	750	378	372	372	Đảm bảo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
14	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Khu phố 1, phường Phước Bình	620	296	324	324	Đảm bảo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
15	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Khu phố Phước Vĩnh, phường Phước Bình	645	291	354	354	Đảm bảo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
16	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Khu phố Phước Sơn, phường Phước Bình	570	275	295	295	Đảm bảo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
17	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Thác Mơ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	765	311	454	454	Đảm bảo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
18	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư Nhơn Hòa 2, xã Long Giang	560	301	259	259	Đảm bảo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
19	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư và bảo tồn văn hóa dân tộc S"Tiêng xã Long Giang	560	301	259	259	Đảm bảo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
20	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Trung Tâm xã Phước Tín	300	46	254	254	Đảm bảo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
21	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Nguyễn Khuyến và đường nhánh	1,000	968	32	32	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
22	Nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Long Thủy (Gói 1)	21,000	18,326	2,674	2,674	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
23	Nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Long Thủy (Gói 2)	17,000	13,328	3,672	3,672	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)	Số vốn còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2024	Lý do kéo dài
24	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Thống Nhất (đoạn từ UBND phường Phước Bình đến ngã 3 Phước Quà)	20,500	18,947	1,553	1,553	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
25	Nâng cấp mặt đường, hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Thác Mơ (Gói 1)	1,750	1,257	493	493	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
26	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Phước Bình	2,250	672	1,578	1,578	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
27	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Long Thủy (Gói 3)	13,600	12,110	1,490	1,490	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
28	Đầu tư hạ tầng, san lấp mặt bằng nghĩa trang nhân dân TX Phước Long tại xã Long Giang	11,500	6,170	5,330	5,330	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
29	Xây dựng 06 phòng học trường TH Lê Hồng Phong	300		300	300	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
30	Xây dựng 6 phòng học trường THCS Phước Bình	300		300	300	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
31	Xây dựng 02 phòng học điểm trường thôn 7 và mua sắm trang thiết bị 03 phòng chức năng điểm chính trường TH Long Giang	200		200	200	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
32	Xây dựng 02 phòng chức năng trường Mẫu giáo Hương Sen	100		100	100	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
33	Xây dựng 02 phòng học tập, 04 phòng hỗ trợ học tập và 01 phòng phụ trợ trường THCS Phước Bình	300		300	300	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
34	Xây dựng 01 phòng học điểm Bàu Nghé trường Mẫu giáo Phước Tín	100	61	39	39	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
35	Xây dựng 11 phòng học tập, 02 phòng hỗ trợ học tập trường THCS Thác Mơ	1,700	313	1,387	1,387	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
36	Xây dựng 08 phòng học, 01 phòng phụ trợ, 02 phòng học tập và 01 phòng hỗ trợ học tập trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	1,700	174	1,526	1,526	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)	Số vốn còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2024	Lý do kéo dài
37	Nâng cấp, chỉnh trang bia tường niệm các chiến sỹ cách mạng ở nhà tù Bà rả Phước Long	3,200	3,169	31	31	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
III	Huyện Đồng Phú	119,897	82,712	37,185	36,628	
1	Quy hoạch chung đô thị Tân Hòa, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.	900		900	900	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
2	Nâng cấp Đường GTNT từ ĐT741 (bên hông trường TH Tân Lập) đến KDC ấp 4 xã Tân Lập (TLA12)	2,835	2,815	20	19	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
3	Tuyến số 1: (theo qh là tuyến kết nối số 2):Đầu tuyến giao với đường ĐT 741 (khoảng km51+450, ấp 2, xã tân lập), cuối tuyến giao với đường ĐP-BP(giáp đường trục khu TDC khoảng km35) dài 10,48km, quy mô đầu tư: Chiều dàituyến 5.6/10,48km lộ giới 32m	4,402	1,522	2,880	2,880	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
4	Tuyến số 2: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 03): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km 53+435), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp với trục KCN tại khoảng Km 32+600); Quy mô: Chiều dài tuyến 4,2/9,2 Km, lộ giới 65m	7,402	1,995	5,407	5,407	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
5	Tuyến số 3: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 04): Đầu tuyến giao với ĐT.741 (khoảng Km56+800), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km30+200). Quy mô: CHIều dài tuyến 6,1/9,5km, lộ giới 42m	2,502	937	1,565	1,565	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
6	Tuyến số 4:(theo quy hoạch là tuyến kết nối số 05): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km60+750) cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km27+600). Quy mô: Chiều dài tuyến 8,2/10,5km, lộ giới 42m	2,365		2,365	2,365	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
7	Tuyến số 5: Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km49+740), điểm cuối tại ranh Nông trường cao su Tân Lập. Quy mô: Chiều dài tuyến 0,5/1,8km, lộ giới 42m	730		730	730	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
8	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông xã Tân Hòa đi xã Tân Lợi	73,000	55,000	18,000	18,000	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)	Số vốn còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2024	Lý do kéo dài
9	Đường kết nối huyện Đồng Phú với huyện Phú Riềng (kết nối từ ĐT 758, xã Thuận Phú đến ranh huyện Phú Riềng)	7,000	4,600	2,400	2,400	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
10	Xây dựng 04 phòng chức năng, nhà thi đấu đa năng, nhà xe, đường đi Trường TH&THCS Tân Lợi	2,000	1,783	217	64	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
11	Xây dựng 14 phòng Trường THCS Tân Tiến	6,673	6,192	481	102	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
12	Xây dựng nhà ở doanh trại cho 07 đơn vị Công an xã: Tân Phước, Tân Hưng, Tân Hòa, Tân Lợi, Tân Lập, Đồng Tiến, Đồng Tâm	4,536	3,705	831	830	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
13	Xây dựng 02 phòng KCH MN Đồng Tâm.	101		101	101	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
14	Xây dựng 08 phòng TH Tân Lập B	19		19	19	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
15	Xây dựng 06 phòng lầu THCS Tân Phú,	60		60	59	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
16	Cải tạo sửa chữa Hạt Kiểm Lâm Huyện	42		42	42	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
17	Xây dựng 08 phòng KCH THCS Tân Hưng	11		11	11	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
18	Xây dựng 04 phòng học lầu, 01 phòng thuận tiến, 01 phòng thuận bình, TB MN Thuận Lợi.	14		14	13	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
19	Xây dựng 06 phòng KCH MN Đồng Tiến	22		22	21	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
20	Xây dựng khối hiệu bộ, nhà xe giáo viên nhà xe học sinh, nhà bảo vệ TH Tân Lập A	20		20	20	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
21	Xây dựng 08 phòng học lầu TH Tân Lợi.	199	7	192	191	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)	Số vốn còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2024	Lý do kéo dài
22	Xây dựng nhà công vụ - cải tạo trồng mới cây xanh Huyện Ủy	33		33	33	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
23	Xây dựng đường Tôn Đức Thắng nối dài đến khu CN Bắc Đồng Phú	588		588	588	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
24	Lập quy hoạch chi tiết thị trấn Tân phú	243		243	243	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
25	Đầu tư lĩnh vực khoa học và công nghệ năm 2023 (Mua sắm trang thiết bị phòng Anh văn (phòng Lab) các Trường: TH và THCS Đồng Tâm, TH và THCS Tân Hòa, TH và THCS Thuận Lợi và phòng tin học các Trường: THCS Tân Lập, TH và THCS Tân Hòa, TH và THCS Tân Phước	4,200	4,157	43	24	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
III	Huyện Lộc Ninh	138,979	98,187	40,791	40,722	
1	Xây dựng đường giao thông ấp Tà Tê, xã Lộc Thành	735	671	64	64	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
2	Đường từ xã Lộc Khánh kết nối QL13	1,060		1,060	1,060	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
3	Xây dựng 10 phòng học lầu, 02 phòng ngoại ngữ, tin học và nhà tập đa năng trường TH Lộc Hiệp	243	33	210	210	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
4	Xây dựng nhà tập Đa năng và 04 phòng lầu chức năng (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và 02 phòng tin học) Trường THCS Lộc Điền	60		60	60	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
5	Xây dựng Trường tiểu học thị trấn Lộc Ninh A (vị trí mới)	14,030	13,591	439	439	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
6	Đường điện áp K57, xã Lộc Tấn	200	187	13	13	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
7	Đường điện áp 11, xã Lộc Thuận	200	171	29	29	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)	Số vốn còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2024	Lý do kéo dài
8	Thực hiện quy hoạch đô thị loại IV, V	1,000		1,000	1,000	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
9	Thực hiện quy hoạch đô thị loại IV, V	2,000		2,000	2,000	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
10	Thực hiện quy hoạch đô thị loại IV, V	1,016		1,016	1,016	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
11	Thực hiện quy hoạch đô thị loại IV, V	1,000		1,000	1,000	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
12	Xây dựng kho chứa trang thiết bị Phòng cháy và phòng lưu trữ Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh	1,000	823	177	177	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
13	Đường từ cổng chào ấp K54 xã Lộc Thiện đầu nối với đường phía tây Quốc lộ 13 (Chơn Thành - Hoa Lư)	10,373	5,012	5,361	5,361	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
14	Xây dựng kè chắn mố cầu đường Huỳnh Tấn Phát - thị trấn Lộc Ninh	2,500	2,221	279	279	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
15	Xây dựng 05 phòng hành chính quản trị, 16 phòng học tập, 03 phòng hỗ trợ học tập, 02 phòng phụ trợ và các công trình phụ trợ Trường TH thị trấn Lộc Ninh A	13,000	10,132	2,868	2,868	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
16	Xây dựng 04 phòng hành chính quản trị, 01 phòng đa chức năng, 01 phòng họp Trường TH Lộc Thái B	4,217	4,101	116	116	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
17	Xây dựng nhà văn hóa và 02 phòng chức năng Trường PTDT nội trú THCS huyện Lộc Ninh	5,000	4,417	583	583	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
18	Xây dựng Đường điện THT và trạm điện ba pha trường TH Lộc Thái A	800	666	134	134	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
19	Xây dựng 06 Phòng học và chức năng và các công trình phụ trợ Trường Mẫu Giáo Vàng Anh	3,000	2,939	61	61	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)	Số vốn còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2024	Lý do kéo dài
20	Đường giao thông tổ 5, ấp 12, xã Lộc Tấn	41	29	12	12	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
21	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, kè đá, san lấp mặt bằng, công trình phụ Công an xã Lộc An	50		50	50	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
22	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Hòa	50		50	50	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
23	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Tấn	50		50	50	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
24	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Thạnh	50		50	50	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
25	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Thành	50		50	50	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
26	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, kè đá, san lấp mặt bằng, công trình phụ Công an xã Lộc Thiện	50		50	50	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
27	Xây dựng trụ sở, nhà ở Doanh trại, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Hiệp	50		50	50	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
28	Xây dựng Trụ sở, nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Quang	50		50	50	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
29	Xây dựng trụ sở, nhà ở Doanh trại, cổng, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Thuận	50		50	50	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
30	Xây dựng Trụ sở, nhà ở Doanh trại, cổng, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Phú	50		50	50	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
31	Xây dựng nhà bảo vệ, nhà để xe giáo viên, nhà để xe học sinh, nhà vệ sinh giáo viên, cổng, kè đá, sân bê tông, nâng cấp 02 khối phòng học cũ thành phòng chức năng Trường TH thị trấn Lộc Ninh A	50		50	50	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)	Số vốn còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2024	Lý do kéo dài
32	Xây dựng nhà thể thao có mái che, nhà vệ sinh giáo viên, nhà vệ sinh học sinh, hệ thống thoát nước, giếng khoan, sân bê tông Trường THCS Lộc Quang	50		50	50	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
33	Xây dựng 06 phòng học bộ môn (khối TH), Nhà thể dục thể thao có mái che (khối THCS) và một số hạng phụ trợ Trường TH và THCS Lộc Thành	50		50	50	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
34	Xây dựng 09 phòng học lý thuyết, 05 phòng bộ môn, 05 phòng hỗ trợ học tập, hệ thống PCCC và một số hạng phụ trợ Trường THCS Lộc Thái	50		50	50	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
35	Dự án đặc thù theo Nghị định 27 và dự án nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông trên địa bàn các xã, thị trấn	20,782	14,398	6,384	6,345	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
36	Nâng cấp đường Nguyễn Bình, TT Lộc Ninh	1,000	975	25	25	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
37	Mở rộng đường Lê Lợi, thị trấn Lộc Ninh (đoạn cuối đường Lê Lợi đi xã Lộc Thuận)	2,500	2,154	346	346	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
38	Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch NTM xã Lộc Tấn	300	31	269	269	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
39	Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch NTM xã Lộc Thuận	260	153	107	107	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
40	Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch NTM xã Lộc Khánh	240		240	240	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
41	Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch NTM xã Lộc Hưng	250		250	250	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
42	Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch NTM xã Lộc Thiện	240		240	240	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
43	Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch NTM xã Lộc Thịnh	224		224	224	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
44	Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch NTM xã Lộc Thạnh	206	109	97	97	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)	Số vốn còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2024	Lý do kéo dài
45	Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch NTM xã Lộc Phú	230	147	83	83	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
46	Vốn chương trình xây dựng NTM	10,730	9,581	1,149	1,149	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
47	Xây dựng mương áp 8B xã Lộc Hòa	115		115	115	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
48	Đường bê tông Xi măng tổ 1, 4, 5 ấp Tà Tê 2 xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh	180		180	180	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
49	Mở đường tránh DTLS đến bồn xăng VK 98 Lộc Quang	83	43	39	39	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
50	Xây dựng 13 phòng học lầu các công trình phụ trợ trường TH Lộc Quang	1,637	643	994	994	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
51	Mở rộng đường bê tông xi măng tổ 3 ấp Việt Quang, xã Lộc Quang	599		599	599	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
52	Đường bê tông xi măng tổ 2, 3 ấp Tà Tê 2 xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh	526		526	526	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
53	Đường bê tông xi măng tổ 1, 5 ấp Klieu xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh	342		342	342	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
54	Đường bê tông xi măng tổ 4 ấp Klieu xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh	528		528	528	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
55	Đường bê tông xi măng tổ 5 ấp Tà Tê 2 xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh	309		309	309	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
56	Đường bê tông xi măng tổ 8 ấp Klieu xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh	621		621	621	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
57	Đường bê tông xi măng tổ 8 ấp Klieu xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh (Đoạn từ đường nhựa đến nhà ông Lâm Prum)	544		544	544	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)	Số vốn còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2024	Lý do kéo dài
58	Đường bê tông xi măng tổ 5 ấp Tà Tê 2 xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh (Đoạn từ nhà ông Hạ đến nhà ông Đờn)	386		386	386	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
59	Xây dựng khối hiệu bộ trường MG Lộc Quang	534	192	341	341	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
60	10 phòng học lầu, 06 phòng chức năng trường THCS Lộc Quang	2,927	1,248	1,679	1,679	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
61	Công trình đường bê tông xi măng tổ 3 (đoạn nhà ông LâmToanh) ấp Chàng Hai, xã Lộc Quang	218		218	218	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
62	Xây dựng kè đá, hàng rào, sân bê tông nhà văn hóa ấp 4, xã Lộc Thuận	118	65	53	53	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
63	Xây dựng đường tổ 3 ấp Việt Quang kết nối ĐT 756 xã Lộc Quang	3,490	3,355	135	135	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
64	Xây dựng cống BTCT tổ 4 ấp 5C, gia cố mô cầu dân sinh, mương thoát nước ấp 5C; Mương thoát nước cống hộp, cống tròn tổ 7 ấp 5B	123	25	98	98	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
65	Nâng cấp đường Nội bộ Chợ Lộc Ninh	494	127	367	367	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
66	Xây dựng hàng rào, ốp gạch, sửa chữa 08 phòng vệ sinh, xây sân bê tông bị hư, xây nhà bảo vệ, nhà để xe cho giáo viên, nhân viên và thay đường điện trường mẫu giáo hướng dương	255		255	225	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
67	Đường điện khu quy hoạch dân cư đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh	35	7	28	28	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
68	Xây dựng nhà tập đa năng Trường THCS Lộc Tấn huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước	1,429	1,411	18	18	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
69	Xây dựng nhà tập đa năng, hàng rào trường hàng rào THCS Lộc Ninh	1,782	809	973	973	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)	Số vốn còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2024	Lý do kéo dài
70	Xây dựng nhà tập đa năng, 06 phòng học chức năng (âm nhạc, mỹ thuật, thư viện, thiết bị, 02 phòng họp tổ bộ môn); lát gạch sân, bồn hoa trường TH và THCS Lộc An	5,822	5,729	93	93	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
71	Xây dựng nhà tập đa năng trường Phổ thông DTNT-THCS Lộc Ninh	3,189	2,354	835	835	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
72	Nâng cấp cầu dân sinh nối liền ấp 3A đi ấp 3B xã Lộc Thuận	1,000	980	20	20	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
73	Nâng cấp đường Nguyễn Bình , thị trấn Lộc Ninh	1,000	975	25	25	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
74	Nâng cấp đường trong khu quy hoạch dân cư khu phố Ninh Phước, thị trấn Lộc Ninh.	2,000	1,547	453	453	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
75	Xây dựng nhà để xe UBND thị trấn Lộc Ninh	150	133	17	17	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
76	Đầu tư hệ thống đan, mương tại tổ 4 ấp 6A xã Lộc Tấn huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước	1,100	1,082	18	18	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
77	Lát gạch vỉa hè đường từ cầu ông Kỳ đi cổng sau nhà máy chế biến	247	228	19	19	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
78	Sửa chữa trường THCS thị trấn Lộc Ninh	1,500	1,426	74	74	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
79	Mở rộng đường bê tông tổ 3 ấp Chàng Hai, xã Lộc Quang	90	73	17	17	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
80	Xây dựng mương thoát nước tổ 4, khu phố Ninh Thuận	2,000	1,981	19	19	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
81	Xây dựng công trình:Làm sân bê tông (500 m2), bằng gạch Terrazzo sân chính (350 m2), mái che ngoài trời, khu vườn cỏ tích, vườn hoa, vườn cây của bé Trường mẫu giáo Hướng Dương	800	779	21	21	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)	Số vốn còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2024	Lý do kéo dài
82	Xây dựng hàng rào nhà văn hóa khu phố Ninh Phú	400	317	83	83	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
83	Lắp đặt 02 trụ nước phòng cháy, chữa cháy	113		113	113	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
84	Hệ thống máy bơm nước phòng cháy, chữa cháy	300		300	300	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
85	Xây dựng sân bê tông xung quanh nhà chợ chính và sửa chữa hệ thống điện, cầu thang chợ Lộc Ninh	287		287	287	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
86	Sửa chữa nhà bia ghi danh liệt sĩ và trụ sở UBND xã Lộc Thịnh	513		513	513	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
87	Xây dựng hàng rào, san lấp mặt bằng nhà Công an, xây dựng đường GTNT tổ 52 ấp Hiệp Thành, xã Lộc Hiệp	240	110	129	129	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
88	Điện hạ thế tổ 1 Ấp 9 xã Lộc An	15	4	11	11	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
89	Đường tổ 3, 4 ấp 2 kết nối Quốc Lộ 13 xã Lộc Hưng	1,800		1,800	1,800	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
IV	Huyện Phú Riềng	224,334	162,944	61,390	61,385	
1	Giải phóng mặt bằng dự án XD Cầu Long Tân - Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	716	682	34	34	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
2	Giải phóng mặt bằng, ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình Xây dựng đường từ dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú đến đường kết nối 2 KCN Long Tân - Long Hà	14,553	7,859	6,694	6,694	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
3	Nâng cấp thảm nhựa, lát vỉa hè Đường ĐH312 đoạn trước đền thờ Vua Hùng - huyện Phú Riềng	18,358	17,053	1,305	1,304	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
4	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Long Hưng đi Bình Sơn, huyện Phú Riềng	5,000	4,690	310	310	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
5	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình xây dựng đường dọc Sông Bé (Giai đoạn 2)	24,000	17,528	6,472	6,472	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)	Số vốn còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2024	Lý do kéo dài
6	Xây dựng 06 phòng học lầu và công trình phụ Trường Mẫu giáo Bình Minh	3,800		3,800	3,800	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
7	Xây dựng 6 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH và THCS Bình Sơn (cấp TH điểm lẻ thôn Bình Minh)	3,000	746	2,254	2,254	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
8	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Long Hưng đi Long Bình, huyện Phú Riềng	16,757	15,510	1,247	1,247	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
9	Xây dựng đường dọc hướng Sông Bé kết nối Đồng Xoài –Đồng Phú –Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (Ranh huyện Phú Riềng đi về đường ĐT 757, huyện Phú Riềng) - Giai đoạn 1	25,000	17,763	7,237	7,236	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
10	Xây dựng đường liên xã Long Bình đi Bình Sơn, huyện Phú Riềng	16,985	16,832	153	153	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
11	Xây dựng đường liên xã Phú Trung đi Phước Tân (Giai đoạn 2)	25,200	16,663	8,537	8,537	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
12	Xây dựng đường liên xã Phú Trung đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	5,500	4,441	1,059	1,058	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
13	Xây dựng đường từ trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân, huyện Phú Riềng	20,000	14,363	5,637	5,637	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
14	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường D6a (N4 - D9), D9 (từ D6 - D7) TTHC huyện Phú Riềng	2,500		2,500	2,500	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
15	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường gom (đoạn 2) TTHC huyện Phú Riềng	1,000		1,000	1,000	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
16	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè khu dân cư Phú Riềng (13,9)ha	12,000	11,523	477	477	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
17	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính xã Long Tân của khu phân lô đất ở từ cụm B1, B2 và B3	4,000	3,745	255	255	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
18	Xây dựng hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy TTHC huyện Phú Riềng (Giai đoạn 3)	1,500		1,500	1,500	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)	Số vốn còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2024	Lý do kéo dài
19	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường gom (đoạn 2) và đường ĐT.741 TTHC huyện Phú Riềng	2,500		2,500	2,500	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
20	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu 6 TTHC huyện Phú Riềng	1,500		1,500	1,500	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
21	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp và TBA khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)	5,729	2,753	2,976	2,975	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
22	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp và TBA khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)- giai đoạn 2	936	232	704	703	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
23	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp, trạm biến áp khu 6 TTHC huyện Phú Riềng	2,000		2,000	2,000	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
24	Xây dựng hệ thống thoát nước từ TTHC huyện về Suối Rạt, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	1,000		1,000	1,000	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
25	Xây dựng hệ thống vỉa hè, hạ tầng kỹ thuật và san lấp mặt bằng khu dân cư Phú Riềng (13,9)ha	8,600	8,364	236	236	Đảm bảo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ
26	Xây dựng 08 phòng học lầu, hàng rào, san lấp mặt bằng Trường Tiểu học Long Hà C	2,200	2,198	2		Số vốn đề xuất kéo dài ít nên không kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024